

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/9/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi, ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện ĐăkMil, tỉnh Đăk Nông

- *Bị đơn:* Anh Lê Xuân H, sinh năm 1990,(vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/5/2019, lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân H kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình sống chung chị H và anh H thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là vì anh H thường xuyên cờ bạc, nợ nần nhiều người. Vì thấy hết tình cảm với nhau nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân H có 01 con chung là cháu Lê Thảo U, sinh ngày 20/9/2016. Từ khi anh, chị ly thân đến nay thì cháu U ở với chị H nên chị H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh Lê Xuân H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với anh Lê Xuân H.* Trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các văn bản của Tòa án đều được tổng đạt hợp lệ cho anh H, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản của Tòa án và niêm yết theo quy định của pháp luật để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:*

Tại biên bản xác minh ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị thì chính quyền không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn anh H, chị H không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn đã tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đối với bị đơn không hợp tác, không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Xuân H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thảo U, sinh ngày 20/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Thảo U đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn anh Lê Xuân H có địa chỉ tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Xuân H, trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Xuân H vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 02/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thông báo cho anh Lê Xuân H biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Lê Xuân H vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của anh Lê Xuân H đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Lê Xuân H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Lê Xuân H là phù hợp.

Ngày 02/8/2019 chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Xuân H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/2015, ngày 17/4/2015. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân với nhau từ tháng 12/2018 nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, chị H thừa nhận chị không còn tình cảm với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Xuân H.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Lê Thảo U, sinh ngày 20/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu Lê Thảo U đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Lê Xuân H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Nguyễn Thị Thu H không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thảo U, sinh ngày 20/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lê Thảo U đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Lê Xuân H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Nguyễn Thị Thu H không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003538 ngày 21/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận